

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 93/2017/DS-ST

Ngày: 29 – 9 – 2017

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quốc Thới.
2. Ông Nguyễn Quốc Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiêm là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2016/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2016 về tranh chấp quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2017/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 9, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Năm Đăm, xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Hồ Văn U, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Năm Đăm, xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

3.2. Chị Thái Kiều P, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 9, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

3.3. Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Phúc G – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/12/2015 và các lời khai tại Tòa án, anh Trần Thanh T (nguyên đơn) trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp, vào năm 2015 anh T có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Lê Thị B, đã giao đủ tiền. Đồng thời, đã hoàn thành xong thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất do anh và chị Thái Kiều P đứng tên quyền sử dụng với diện tích 485 m², nằm tại tờ bản đồ số 25, số thửa 102, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH08945 vào ngày 21/12/2015. Tuy nhiên, dù đã hoàn thành xong thủ tục chuyển nhượng nhưng phía bà Trần Thị N vẫn ở trên phần đất này, anh đã nhiều lần yêu cầu bà N tháo dỡ nhà đi nơi khác để giao lại đất cho anh nhưng bà N không chịu giao đất mà cho rằng bà đã thuê đất từ ông T (không biết họ, chữ lót và địa chỉ), ông T thì thuê lại từ bà Lê Châu P, thời gian thuê đã hết hạn, bà P là chị ruột của bà B, phần đất này trước đây do bà P đứng tên nhưng bà P chết và bà B được thừa kế phần đất của bà P đứng tên, do bà P còn nợ tiền vay bà N nên bà N không trả đất.

Trên phần đất tranh chấp chỉ có căn nhà của bà N ở cùng với anh Hồ Văn U, đối với phần đất tranh chấp hiện nay chỉ có vợ chồng anh mới có quyền quyết định, ngoài ra không có ai có quyền lợi liên quan gì đối với phần đất tranh chấp, anh có yêu cầu định giá nhà và đất nhưng phía bà N không đồng ý cho định giá vì bà N cho rằng căn nhà có giá trị 108.000.000 đồng, giá đã rõ ràng nên không cần phải định giá, còn giá đất Tòa án tự xác minh. Tuy nhiên, anh không đồng ý với giá trị căn nhà bà N đã đưa ra và anh cũng không tự đưa ra mức giá cụ thể vì anh yêu cầu bà N tháo dỡ nhà đi trả lại đất cho anh, anh không đồng ý hỗ trợ cho bà N tháo dỡ nhà vì anh đã hoàn thành việc chuyển nhượng đất gần hai năm nhưng không sử dụng đất đã gây thiệt hại cho anh, nay anh đã không yêu cầu về thiệt hại thì anh sẽ không hỗ trợ việc tháo dỡ nhà đi dời nơi khác. Đối với giá đất Tòa án xác minh 1.000.000 đồng/01 m² là cao, anh đồng ý với giá 144.000 đồng/01 m² (giá đất anh đã chuyển nhượng từ bà B).

Theo đơn khởi kiện anh yêu cầu bà N phải tháo dỡ nhà trả lại cho anh phần đất có diện tích 485 m². Nhưng sau khi tiến hành đo đạc thực tế thì phần đất tranh chấp có diện tích là 642,2 m², nên vợ chồng anh thay đổi quan điểm yêu cầu bà N và anh U phải tháo dỡ nhà trả lại cho vợ chồng anh phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 642,2 m², tọa lạc tại ấp Năm Đăm, xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Tại các biên bản làm việc của Tòa án, bà Trần Thị N (bị đơn) trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của bà Lê Châu P, bà thuê đất của bà P từ năm 2010, thời hạn thuê là 05 năm, giá thuê 05 năm là 15.000.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng, hiện tại đã hết hạn hợp đồng, do bà P còn nợ bà số tiền 6.500.000 đồng nên bà không trả đất, bà P đã chết, anh T không có quyền lợi liên quan gì đối với phần đất bà đang

thuê. Trên phần đất tranh chấp bà có cất nhà vào năm 2014, giá khi cất là 108.000.000 đồng, bà ở cùng với con trai là Hồ Văn U, căn nhà là tài sản của bà và Hồ Văn U, ngoài ra không còn ai có quyền lợi gì đối với căn nhà. Đối với yêu cầu của anh T buộc bà tháo dỡ nhà và trả lại phần đất bà không đồng ý. Tuy nhiên, bà có yêu cầu nếu ai vào đất sử dụng thì bà B đã thừa kế phần đất của bà P phải trả lại cho bà số tiền bà P còn nợ là 6.500.000 đồng và giá trị căn nhà 108.000.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu tính lãi 7%/tháng đối với số tiền vốn 1.000.000 đồng từ năm 2008 và 10%/tháng đối với số tiền vốn 5.500.000 đồng từ năm 2013 nhưng bà không làm đơn yêu cầu và cũng không đồng ý dự nộp tiền tạm ứng án phí mà chỉ yêu cầu Tòa án xem xét yêu cầu của bà.

Đối với việc định giá nhà và đất bà không đồng ý cho định giá vì anh T không có liên quan gì đối với phần đất tranh chấp và bà cất nhà vào năm 2014 với giá 108.000.000 đồng, đã có giá trị rõ ràng nên không cần thiết phải định giá nhà, còn giá đất Tòa án tự xác minh.

Tại bản tự khai ngày 20/02/2017 chị Thái Kiều P trình bày: Chị là vợ anh T, chị thống nhất với lời trình bày của anh T, không có ý kiến gì khác, chị yêu cầu bà N và anh U phải tháo dỡ nhà trả lại cho vợ chồng chị phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 642,2 m², tọa lạc tại ấp Năm Đăm, xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do điều kiện đi lại khó khăn nên chị có làm đơn xin vắng mặt đề ngày 20/02/2017 yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị khi hòa giải và xét xử.

Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước không có ý kiến gì đối với thông báo thụ lý vụ án về việc tranh chấp của các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đối với bà N, anh U và Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước chưa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 166, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh T, buộc bà Trần Thị N và anh Hồ Văn U phải tháo dỡ mái nhà và nhà chính trả lại phần đất cho anh Trần Thanh T và chị Thái Kiều P theo diện tích đo đạc thực tế là 642,2 m², tọa lạc tại ấp Năm Đăm, xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Trần Thị N, anh Hồ Văn U và người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do và chị Thái Kiều P có làm đơn xin vắng mặt đề ngày 20/02/2017 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N, anh U và người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt chị P theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn là anh Trần Thanh T với bị đơn là bà Trần Thị N là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do phần đất tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 203 của Luật đất đai.

[3] Xét về nguồn gốc đất tranh chấp: Vào năm 2015 anh T và chị P nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Lê Thị B và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh T và chị P đứng tên quyền sử dụng đất với diện tích 485 m², nằm tại tờ bản đồ số 25, số thửa 102, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH08945 cấp ngày 21/12/2015, đất tọa lạc tại ấp Năm Đăm, xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, phần đất bà B chuyển nhượng là bà B được thừa kế từ bà Lê Châu P.

[4] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa, anh T yêu cầu bà N và anh U phải tháo dỡ nhà trả lại cho vợ chồng anh phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 642,2 m², tọa lạc tại ấp Năm Đăm, xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Đối với yêu cầu của anh T buộc bà N tháo dỡ nhà và trả lại phần đất bà không đồng ý vì anh T không có liên quan gì đối với phần đất bà đang thuê. Tuy nhiên, bà có yêu cầu nếu ai sử dụng phần đất thì phải cho bà số tiền 6.500.000 đồng, sau đó bà lại thay đổi ý kiến yêu cầu bà B đã thừa kế phần đất của bà P thì phải trả lại cho bà số tiền bà P còn nợ là 6.500.000 đồng và giá trị căn nhà 108.000.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu tính lãi 7%/tháng đối với số tiền vốn 1.000.000 đồng từ năm 2008 và 10%/tháng đối với số tiền vốn 5.500.000 đồng từ năm 2013 nhưng bà N không làm đơn yêu cầu và cũng không đồng ý dự nộp tiền tạm ứng án phí mà chỉ yêu cầu Tòa án xem xét yêu cầu của bà.

[5] Hội đồng xét xử thấy rằng, xét nguồn gốc phần đất tranh chấp, anh T và chị P nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Lê Thị B và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh T và chị P đứng tên quyền sử dụng đất với diện tích 485 m², nằm tại tờ bản đồ số 25, số thửa 102, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH08945 cấp ngày 21/12/2015 theo đo đạc thực tế có diện tích là 642,2 m². Đồng thời, bà N cũng thừa nhận phần đất bà đang quản lý là do bà thuê lại của bà Lê Châu P, thời hạn hợp đồng thuê đã hết hạn, nhưng do bà P còn nợ bà N số tiền 6.500.000 đồng nên dù thời hạn thuê đất đã hết nhưng bà không trả đất. Bà N cho rằng anh T không có liên quan gì đối với phần đất bà đang thuê, đất là của bà Lê Châu P nhưng bà P đã chết nên bà N không đồng ý trả đất cho anh T. Qua đối chiếu các tài liệu, chứng cứ được thu thập liên quan đến quyền sử dụng đất, cho thấy việc bà Lê Thị B được thừa kế phần đất của bà Lê Châu P là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật. Sau khi bà B được đứng tên quyền sử dụng đất, bà B đã chuyển nhượng lại cho anh T và chị P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp, phù hợp với quy định pháp luật. Phần đất đang tranh chấp không phải đất của bà N, chỉ là đất bà N thuê nhưng đã hết thời hạn thuê được bà N thừa nhận, trên phần đất tranh chấp bà N đang ở cùng với anh U. Đối với tài sản trên đất là căn nhà của bà N xây dựng vào năm 2014 gồm có mái nhà ngang 3,59 mét, dài 04 mét diện tích 14,8 m² và nhà chính ngang 3,8 mét, dài 12,1 mét diện tích 46,3 m². Bà N cho rằng khi cất có giá 108.000.000 đồng

nên không đồng ý định giá vì đã có giá rõ ràng, cụ thể, ngoài bà N và anh U thì không ai có liên quan hay có quyền lợi gì đối với nhà và đất. Đồng thời, tại B bản làm việc ngày 26/9/2017, bà B xác định đối với diện tích, vị trí tranh chấp hiện nay giữa anh T với bà N sau khi đo đạc thực tế có diện tích là 642,2 m² là hoàn toàn đúng với hiện trạng bà đã chuyển nhượng cho anh T, đất bà chuyển nhượng cho anh T là do bà được thừa kế từ bà Lê Châu P, ngoài ra không còn có ai có quyền lợi liên quan gì đối với phần đất bà được thừa kế. Tuy nhiên, do khi chuyển nhượng cho anh T cán bộ địa chính có xuống đo đạc để chuyển tên thì cán bộ đo vẽ lấy vuông góc, vì đất của bà bị xéo, lấy vuông nên diện tích anh T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ít hơn diện tích thực tế mà bà đã chuyển nhượng, diện tích bà chuyển nhượng khoảng diện tích tranh chấp hiện nay nhưng do cán bộ đo đạc thể hiện 485 m², bà cũng không có ý kiến gì, bà hoàn toàn thống nhất diện tích và ranh giới tranh chấp giữa anh T và bà N như đã được đo đạc thực tế có diện tích 642,2 m² là đất bà đã chuyển nhượng cho anh T, không còn là đất của bà, bà không có bất cứ yêu cầu và khiếu nại gì đối với diện tích dư 157,2 m². Cho nên, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh T và chị P, về việc đòi lại quyền sử dụng đất, buộc bà N và anh U phải tháo dỡ mái nhà ngang 3,59 mét, dài 04 mét diện tích 14,8 m² và nhà chính ngang 3,8 mét, dài 12,1 mét diện tích 46,3 m² trả lại phần đất cho anh T và chị P theo diện tích đo đạc thực tế là 642,2 m², nằm tại tờ bản đồ số 25, số thửa 102 tọa lạc tại ấp Năm Đăm, xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau có vị trí tứ cận như sau:

- + Phía Bắc giáp lộ Cà Mau – Đầm Dơi có cạnh M1M4 dài 10,27 mét;
- + Phía Nam giáp Công ty xuất nhập khẩu Đại dương xanh toàn cầu có cạnh M2M3 dài 12,19 mét;
- + Phía Đông giáp đất bà P Thị Đẹp có cạnh M1M2 dài 58,52 mét;
- + Phía Tây giáp đất bà Nguyễn Thị Thanh Tú có cạnh M3M4 dài 56,68 mét.

(có kèm theo bản vẽ hiện trạng)

[6] Đối với yêu cầu của bà N, Hội đồng xét xử thấy rằng, bà N yêu cầu nếu ai quản lý phần đất thì phải trả cho bà số tiền 6.500.000 đồng, sau đó bà N lại thay đổi yêu cầu bà B đã thừa kế phần đất của bà P thì phải trả lại cho bà số tiền bà P còn nợ là 6.500.000 đồng, yêu cầu tính lãi 7%/tháng đối với số tiền vốn 1.000.000 đồng từ năm 2008 và 10%/tháng đối với số tiền vốn 5.500.000 đồng từ năm 2013. Tòa án đã tổng đạt thông báo số 02 ngày 26/12/2016 về việc nộp đơn yêu cầu, dự nộp tiền tạm ứng án phí và cung cấp tài liệu, chứng cứ cho bà N. Đồng thời, đã tiến hành làm việc với bà N nhưng bà N không làm đơn yêu cầu và cũng không đồng ý dự nộp tiền tạm ứng án phí mà chỉ yêu cầu Tòa án xem xét. Theo quy định tại Điều 202 của Bộ luật tố tụng dân sự thì bà N có yêu cầu phải làm đơn và dự nộp tiền tạm ứng án phí nhưng do bà N không thực hiện đúng theo quy định, do đó Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án này, nếu các đương sự không thỏa thuận được với nhau thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

[7] Chi phí đo đạc phần đất tranh chấp bà N và anh U phải chịu số tiền 2.000.000 đồng. Đã qua, anh T đã dự nộp xong nên buộc bà N và anh U phải trả lại cho anh T và chị P số tiền 2.000.000 đồng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà N và anh U phải chịu 5% trên diện tích 642,2 m² (giá đất 01 m² là 144.000 đồng) là: 642,2 m² x 144.000 đồng x 5% = 4.624.000 đồng.

Anh T và chị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, số tiền đã dự nộp được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 200, 202, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ các Điều 166 và 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 203 của Luật đất đai;

Căn cứ Pháp lệnh số: 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh T và chị Thái Kiều P đối với bà Trần Thị N và anh Hồ Văn U, về việc đòi lại quyền sử dụng đất.

[1] Buộc bà Trần Thị N và anh Hồ Văn U phải tháo dỡ mái nhà ngang 3,59 mét, dài 04 mét diện tích 14,8 m² và nhà chính ngang 3,8 mét, dài 12,1 mét diện tích 46,3 m² trả lại phần đất cho anh Trần Thanh T và chị Thái Kiều P theo diện tích đo đạc thực tế là 642,2 m², nằm tại tờ bản đồ số 25, số thửa 102 tọa lạc tại ấp Năm Đảm, xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau có vị trí tứ cận như sau:

- + Phía Bắc giáp lộ Cà Mau – Đầm Dơi có cạnh M1M4 dài 10,27 mét;
- + Phía Nam giáp Công ty xuất nhập khẩu Đại dương xanh toàn cầu có cạnh M2M3 dài 12,19 mét;
- + Phía Đông giáp đất bà P Thị Đẹp có cạnh M1M2 dài 58,52 mét;
- + Phía Tây giáp đất bà Nguyễn Thị Thanh Tú có cạnh M3M4 dài 56,68 mét.

(có kèm theo bản vẽ hiện trạng)

[2] Buộc bà Trần Thị N và anh Hồ Văn U phải trả cho anh Trần Thanh T và chị Thái Kiều P chi phí đo đạc đất với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Trần Thị N và anh Hồ Văn U phải chịu là 4.624.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh Trần Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh T 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo B lai thu tiền số 0010288 ngày 09/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Trần Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo bản án của bà Trần Thị N, anh Hồ Văn U, chị Thái Kiều P và Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng NVKT&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Hiền